BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 90/2013/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2013*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2014

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2014;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ ngân sách nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2014 như sau:

Chương I
ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NSNN NĂM 2013

Điều 1. Quy định chung

1. Căn cứ đánh giá nhiệm vụ NSNN năm 2013

a) Nhiệm vụ NSNN năm 2013 đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 32/2012/QH13 ngày 10 tháng 11 năm 2012 của Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ tư về dự toán ngân sách nhà nước năm 2013, Nghị quyết số 33/2012/QH13 ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ tư về phân bổ ngân sách trung ương năm 2013, Quyết định số 1792/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2013, Quyết định số 1902/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2013, Quyết định số 2081/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách trung ương năm 2013 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Ứng phó với biến đổi khí hậu và Chương trình mục tiêu quốc gia Khắc phục

ô nhiễm và cải thiện môi trường; các quyết định khác của Thủ tướng Chính phủ về bổ sung ngân sách trong quá trình điều hành ngân sách năm 2013;

b) Các văn bản điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ gồm: Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2013 về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2013; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2013 về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu; Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 24 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - NSNN năm 2013;

c) Thông tư số 222/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2013;

d) Tình hình thực hiện nhiệm vụ tài chính - NSNN trong 6 tháng đầu năm; các giải pháp phấn đấu hoàn thành đến mức cao nhất dự toán NSNN 2013 đã được Quốc hội, Hội đồng nhân dân quyết định trong 6 tháng cuối năm.

2. Bám sát chỉ đạo của Chính phủ trong điều hành kinh tế xã hội, tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi NSNN 6 tháng đầu năm, các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương đánh giá kết quả thu chi NSNN năm 2013, tình hình thực hiện các kết luận, kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm toán; chủ động đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách thu, chi NSNN và các chính sách chế độ khác (nếu có) gửi Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan có liên quan nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung kịp thời để tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất phát triển.

Điều 2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN

Căn cứ kết quả thu NSNN 6 tháng đầu năm, dự báo tình hình sản xuất kinh doanh, diễn biến giá cả thị trường, thực hiện rà soát đánh giá các yếu tố tác động tăng, giảm thu, kiến nghị các giải pháp điều hành thu để phấn đấu hoàn thành mức cao nhất dự toán thu NSNN đã được Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp thông qua. Khi đánh giá cần tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

a) Đánh giá, phân tích kỹ nguyên nhân ảnh hưởng đến thu ngân sách năm 2013 do các yếu tố: Tình hình sản xuất - kinh doanh, hoạt động xuất nhập khẩu của các ngành, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; kết quả thực hiện các chỉ tiêu về sản lượng sản xuất và tiêu thụ của các sản phẩm chủ yếu; giá bán, lợi nhuận; tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng; tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp; mức độ tăng, giảm vốn đầu tư của các thành phần kinh tế; rà soát để tính đến các dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng, đầu tư chiều sâu, các dự án đầu tư đã hết thời gian hưởng ưu đãi;

b) Đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện các biện pháp về thu theo Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ; dự báo tác động đến thu NSNN của việc

thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ đối với việc gia hạn thuế, giảm thuế suất, ưu đãi thuế, giảm tiền thuê đất, hoàn thuế bảo vệ môi trường nhằm tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp;

c) Đánh giá tình hình xử lý nợ đọng thuế năm 2013: Xác định số nợ thuế đến ngày 31/12/2012, dự kiến số nợ phát sinh trong năm 2013, số nợ thuế thu hồi được trong năm 2013 và số nợ thuế đến ngày 31/12/2013. Tổng hợp, phân loại đầy đủ, chính xác số thuế nợ đọng theo quy định (nợ đọng theo từng loại doanh nghiệp; nợ đọng theo từng sắc thuế; nợ đọng diễn ra ở từng ngành);

d) Đánh giá kết quả phối hợp giữa các cấp, các ngành có liên quan trong công tác quản lý thu NSNN và tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát thu hồi nợ thuế, chống thất thu, chống buôn lậu, chống gian lận thương mại, chống chuyển giá; số thuế kiến nghị truy thu thông qua công tác thanh tra, kiểm tra của cơ quan thuế; số kiến nghị truy thu của cơ quan Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ và dự kiến số nộp vào NSNN trong năm; kiến nghị các giải pháp điều chỉnh cơ chế quản lý, giám sát, tăng cường chế tài, nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về thuế; đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ, tư vấn pháp luật về thuế cho doanh nghiệp và cộng đồng xã hội;

đ) Đánh giá tình hình kê khai, hoàn thuế giá trị gia tăng đến hết năm 2013; số hoàn thuế phát sinh theo kê khai của doanh nghiệp trong năm 2013; số dự kiến hoàn cho doanh nghiệp; phân tích nguyên nhân hoàn thuế tăng, giảm đột biến so với năm trước; kiến nghị điều chỉnh cơ chế, chính sách về hoàn thuế;

e) Đánh giá kết quả triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách thu; các chính sách thuế mới ban hành, sửa đổi, bổ sung năm 2012, năm 2013 ảnh hưởng đến kết quả thu; đề xuất các kiến nghị để điều chỉnh cơ chế, chính sách (nếu có);

f) Đánh giá kết quả thực hiện thu phí, lệ phí, thu xử phạt vi phạm hành chính 6 tháng và cả năm 2013.

Điều 3. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển

1. Đánh giá công tác bố trí và tổ chức thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2013

a) Đánh giá tình hình phân bổ, giao dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản (XDCB) năm 2013:

- Việc phân bổ, bố trí vốn chi đầu tư XDCB năm 2013 cho các dự án, công trình đã hoàn thành năm 2012 trở về trước; bố trí vốn đối ứng các dự án ODA; các công trình, dự án hoàn thành năm 2013, các dự án chuyển tiếp và các dự án khởi công mới;

- Thời gian phân bổ và giao kế hoạch cho chủ đầu tư (khớp đúng với chỉ tiêu được giao về tổng mức đầu tư; cơ cấu vốn trong nước, vốn ngoài nước; cơ cấu ngành kinh tế);

- Kết quả bố trí dự toán để thu hồi vốn ngân sách ứng trước và thanh toán nợ XDCB thuộc nguồn NSNN.

b) Đánh giá thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư XDCB năm 2013:

- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư XDCB năm 2013 bao gồm giá trị khối lượng thực hiện đến hết Quý II/2013, vốn thanh toán đến hết Quý II/2013 (gồm thanh toán khối lượng hoàn thành và thanh toán tạm ứng vốn đầu tư), dự kiến khối lượng thực hiện và vốn thanh toán đến 31/12/2013; kèm theo biểu phụ lục chi tiết từng dự án, có số liệu về tổng mức đầu tư được duyệt, vốn thanh toán lũy kế đến hết kế hoạch năm 2012, kế hoạch vốn năm 2013 theo các nội dung như trên;

- Đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA): Tiến độ giải ngân nguồn vốn ODA và khả năng đảm bảo vốn đối ứng;

- Báo cáo số cắt giảm chi để thu hồi bổ sung dự phòng NSTW và dự phòng NSĐP đối với các khoản vốn đầu tư đã giao trong dự toán nhưng đến ngày 30/6/2013 chưa phân bổ hoặc phân bổ không đúng quy định; vốn đầu tư thuộc kế hoạch năm 2013 đã phân bổ nhưng đến ngày 30/6/2013 chưa triển khai thực hiện theo Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 24 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ;

- Đánh giá tình hình thực hiện các dự án được kéo dài kế hoạch vốn năm 2012 thanh toán hết 30/9/2013 theo Thông báo số 196/TB-VPCP ngày 17 tháng 5 năm 2013 của Văn phòng Chính phủ;

- Đánh giá tình hình thực hiện từ nguồn vốn ứng trước trong năm 2013 các dự án đầu tư theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

- Tổng hợp, đánh giá tình hình và kết quả xử lý nợ đọng khối lượng đầu tư XDCB theo Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ; đề xuất, kiến nghị các giải pháp để xử lý các khoản nợ đọng;

- Đánh giá tình hình quyết toán dự án đầu tư hoàn thành, trong đó nêu rõ: số dự án đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng 6/2013 và dự kiến đến hết năm 2013; nêu rõ thời gian dự án đã hoàn thành nhưng chưa được quyết toán, nguyên nhân và giải pháp xử lý;

- Đánh giá tình hình huy động, thu hồi và trả nợ các nguồn vốn (kể cả nguồn tạm ứng tồn ngân Kho bạc nhà nước) để thực hiện các dự án, công trình đầu tư cơ sở hạ tầng.

2. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chi hỗ trợ phát triển năm 2013

a) Tình hình thực hiện tín dụng đầu tư ưu đãi của Nhà nước (tổng mức tăng trưởng tín dụng, nguồn vốn để thực hiện kế hoạch tăng trưởng tín dụng gồm nguồn thu hồi nợ vay vốn tín dụng, nguồn vốn huy động các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước, nguồn ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất,…); đối tượng

hưởng ưu đãi; phạm vi ưu đãi; đầu mối thực hiện chính sách tín dụng; giải pháp về điều chỉnh, điều hòa vốn; chất lượng tín dụng; lãi suất (căn cứ xác định lãi suất, mức lãi suất, chính sách lãi suất tín dụng ưu đãi trong trường hợp lãi suất thị trường có thay đổi); cải cách hành chính trong thủ tục xét duyệt đầu tư và xét duyệt cho vay;

b) Tình hình thực hiện tín dụng chính sách đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách xã hội; tín dụng học sinh, sinh viên, tín dụng ưu đãi đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn, hộ nghèo làm nhà ở,… (phạm vi, đối tượng; kết quả hoạt động, dư nợ cho vay, lãi suất huy động, số phát sinh bù chênh lệch lãi suất; điều kiện vay;...);

c) Đánh giá tình hình triển khai thực hiện chính sách thí điểm bảo hiểm tín dụng xuất khẩu theo Quyết định số 2011/QĐ-TTg ngày 05 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ (tỷ lệ % kim ngạch xuất khẩu được bảo hiểm tín dụng xuất khẩu; đối tượng, mặt hàng, thị trường; mức độ phụ thuộc của các doanh nghiệp bảo hiểm trong nước được giao thực hiện bảo hiểm tín dụng xuất khẩu vào các doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài từ khâu khai thác, đánh giá rủi ro, thẩm định bảo hiểm,…);

d) Đánh giá tình hình thực hiện chính sách thí điểm bảo hiểm nông nghiệp theo Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 358/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ (mở rộng điều kiện tham gia bảo hiểm của một số đối tượng; sửa đổi, bổ sung phạm vi và đối tượng được bảo hiểm; điều chỉnh tỷ lệ phí bảo hiểm cho một số giống, cây trồng, vật nuôi; các nguyên nhân chủ yếu phát sinh tổn thất; mức ngân sách nhà nước hỗ trợ;...);

đ) Tình hình thực hiện Chương trình kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn (bao gồm cả việc cho vay thêm 10.000 tỷ đồng bổ sung nguồn vốn cho vay đầu tư kiên cố hóa kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn, trạm bơm điện phục vụ sản xuất nông nghiệp, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và làng nghề ở nông thôn và mở rộng đối tượng cho vay là các dự án đầu tư xây dựng về cầu, đường giao thông nông thôn (bao gồm cả đường liên xã, liên huyện) theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ;

e) Tình hình thực hiện dự trữ quốc gia năm 2013 (dự trữ quốc gia bằng hiện vật theo từng nhóm hàng; mức dự trữ một số mặt hàng thiết yếu); kế hoạch xuất, nhập đổi hàng dự trữ quốc gia, xuất cấp không thu tiền, mua bù, mua tăng hàng dự trữ quốc gia (chi tiết về chủng loại, số lượng, giá trị) để tăng cường lực lượng dự trữ quốc gia nhằm đáp ứng kịp thời các yêu cầu về phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh; đảm bảo an ninh lương thực; bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội;...

Điều 4. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên

1. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán NSNN 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2013 (triển khai phân bổ, giao dự toán ngân sách, thực hiện dự toán,...) theo từng lĩnh vực chi được nhà nước giao cho Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương trong năm 2013. Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, dự án lớn của từng Bộ, ngành, lĩnh vực, địa phương; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý.

2. Đánh giá kết quả thực hiện và những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ, cơ chế, chính sách và chế độ chi tiêu đồng thời đưa ra các giải pháp khắc phục ngay trong năm 2013, cụ thể:

a) Đối với các chế độ, chính sách an sinh xã hội: Chính sách bảo trợ xã hội; chính sách bảo hiểm y tế hỗ trợ người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, người cận nghèo; chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế; chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ người có công khó khăn về nhà ở; bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp; Luật Người khuyết tật; chính sách đối với các hộ nghèo và hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào tại các vùng đặc biệt khó khăn như: chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các huyện nghèo, hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo; hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn; chính sách bảo hiểm thất nghiệp; hỗ trợ phòng trừ dịch bệnh và phòng chống, khắc phục thiên tai, bão lũ, cứu đói cho người dân; chính sách hỗ trợ ngư dân gặp rủi ro khi bám biển, đánh bắt xa bờ; chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản;… Đánh giá tổng thể toàn bộ các chính sách, chế độ, xác định những nội dung chồng chéo, trùng lắp để kiến nghị lồng ghép hoặc bãi bỏ các chính sách, chế độ không phù hợp thực tế;

b) Tình hình, kết quả triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ. Đánh giá tình hình tổ chức triển khai thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo các Nghị định của Chính phủ; và Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN. Đánh giá tình hình triển khai chương trình hành động của Chính phủ ban hành theo Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ để thực hiện Đề án "Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công lập";

c) Đánh giá tình hình chi từ nguồn thu xử phạt vi phạm hành chính 6 tháng đầu năm; số thu chưa chi (nếu còn); tính toán kinh phí hoạt động của các lực lượng chức năng thực hiện công tác xử phạt vi phạm hành chính 6 tháng cuối năm để kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền đảm bảo kinh phí theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn.

4. Đánh giá tình hình tiết kiệm thêm chi thường xuyên các tháng cuối năm theo Nghị quyết 60/NQ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ, Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 24 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 6684/BTC-NSNN ngày 27 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Đánh giá tình hình tiết kiệm và sử dụng số tiết kiệm để bố trí chi cải cách tiền lương và thực hiện các chính sách an sinh xã hội theo quy định tại Khoản 4, Điều 4 Quyết định số 1792/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2013.

5. Báo cáo số cắt giảm chi để thu hồi bổ sung dự phòng NSTW và dự phòng NSĐP đối với kinh phí chi thường xuyên đã giao trong dự toán năm 2013 của các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương nhưng đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 chưa phân bổ hoặc phân bổ không đúng quy định, số tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên các tháng cuối năm theo Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 24 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 6684/BTC-NSNN ngày 27 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính.

6. Đánh giá tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách xã hội hóa, tập trung phân tích xu hướng và tính bền vững các tiêu chí tổng quát: tổng nguồn lực và cơ cấu nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển ngành, lĩnh vực; số lượng các cơ sở được đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa; hiệu quả kinh tế - xã hội đã đạt được từ những cơ sở xã hội hóa này; tồn tại, nguyên nhân và giải pháp cần thực hiện để điều chỉnh. Với một số lĩnh vực có điều kiện xã hội hóa nhanh cần tập trung phân tích kỹ nguyên nhân để có kiến nghị cụ thể.

a) Giáo dục đại học: Đánh giá cơ chế, giải pháp thúc đẩy đầu tư các nguồn lực cho phát triển nghiên cứu khoa học, công nghệ tại các cơ sở đại học có uy tín và bề dày kinh nghiệm. Khả năng tiếp tục phân cấp quản lý giáo dục đại học giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo với các Bộ, cơ quan, địa phương theo hướng giao quyền tự chủ nhiều hơn, rộng hơn cho các cơ sở giáo dục đại học có đủ điều kiện;

b) Khoa học công nghệ: Đánh giá cụ thể công tác chuyển đổi các tổ chức khoa học và công nghệ công lập sang cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm theo quy định tại Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ, Nghị định số 96/2010/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ; cơ chế hỗ trợ các

nhóm nghiên cứu trẻ tiềm năng, các nhóm nghiên cứu mạnh từ các trường đại học, viện nghiên cứu trong ươm tạo công nghệ, hình thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ; khả năng hình thành và phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

Điều 5. Đánh giá tình hình thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, các Chương trình, Đề án do các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương cùng thực hiện đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thực hiện đến năm 2015

1. Các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương đánh giá tình hình phân bổ, giao, thực hiện dự toán chi các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án năm 2013; thuận lợi, khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong triển khai.

Đánh giá kết quả thực hiện 3 năm 2011 - 2013 từng chương trình mục tiêu quốc gia, từng chương trình, đề án. Trên cơ sở đó đề xuất hướng lồng ghép một số nội dung của các dự án, chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án có mục tiêu gần giống nhau; đề xuất hướng sửa đổi một số tiêu chí của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để phù hợp với điều kiện thực tế ở địa phương.

2. Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình, Đề án thực hiện bằng cả nguồn vốn ngoài nước, đánh giá kỹ về tình hình giải ngân nguồn vốn ngoài nước, các kiến nghị (nếu có). Đánh giá tính hiệu quả việc sử dụng nguồn vốn ngoài nước cho các nội dung chi đào tạo, tăng cường năng lực, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tăng cường thể chế, truyền thông.

3. Đánh giá khả năng cân đối ngân sách địa phương và huy động cộng đồng để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình, Đề án trên địa bàn. Trường hợp mức huy động thấp so với dự kiến đề xuất giải pháp thiết thực để đảm bảo nguồn thực hiện các mục tiêu của Chương trình trên địa bàn.

Điều 6. Dự kiến kinh phí thực hiện mức lương cơ sở (thay thế mức lương tối thiểu) 1.150.000 đồng/tháng.

1. Báo cáo về biên chế, quỹ lương, xác định nhu cầu kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo mức tiền lương cơ sở 1.150.000 đồng/tháng từ 01/7/2013.

2. Dự kiến kết quả thực hiện các biện pháp tài chính tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương: Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể tiền lương, các khoản có tính chất lương); từ 35 - 40% nguồn thu được để lại theo chế độ quy định; từ nguồn 50% tăng thu ngân sách địa phương (không kể tiền sử dụng đất) trong năm 2013; các nguồn năm trước theo quy định chưa sử dụng hết để thực hiện mức tiền lương cơ sở 1.150.000 đồng/tháng trong năm 2013. Trên cơ sở đó xác định nguồn còn lại chuyển sang năm 2014 (nếu có).

3. Dự kiến nhu cầu, nguồn thực hiện mức lương cơ sở 1.150.000 đồng/tháng theo từng lĩnh vực; số bổ sung từ NSNN để thực hiện mức lương cơ sở, các loại phụ cấp điều chỉnh theo mức lương cơ sở của từng lĩnh vực cho năm 2013.

Điều 7. Một số điểm đặc thù trong việc đánh giá thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2013 của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ngoài các yêu cầu nêu trên, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung đánh giá thêm một số nội dung sau:

1. Đánh giá khả năng cân đối ngân sách địa phương so với dự toán, các biện pháp đã và sẽ thực hiện để đảm bảo cân đối ngân sách địa phương bao gồm: phấn đấu tăng thu, tiết kiệm chi, cắt chi, sử dụng các nguồn lực tài chính còn dư của địa phương (nguồn cải cách tiền lương, nguồn kết dư 2012, quỹ dự trữ tài chính,…). Đề nghị làm rõ từng nguồn, số đã sử dụng, số còn dư (nếu có).

2. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo; Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; chính sách bảo trợ xã hội; Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2011 - 2015; Luật Người cao tuổi, Luật Người khuyết tật; chính sách hỗ trợ học sinh dân tộc nội trú, bán trú; hỗ trợ tiền điện hộ nghèo; chuyển nguồn mua sắm ôtô, trang thiết bị từ năm 2012 sang năm 2013;…

3. Việc bố trí chi ngân sách thực hiện các cơ chế chính sách của Nhà nước nhằm phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo như: chính sách bảo hiểm y tế đối với người nghèo, người dân tộc thiểu số, trẻ em dưới 6 tuổi, hỗ trợ người cận nghèo tham gia bảo hiểm y tế, hỗ trợ người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp tham gia bảo hiểm y tế, chính sách bảo hiểm thất nghiệp, chính sách hỗ trợ ngư dân, chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội; tình hình bố trí vốn cho công tác quy hoạch,... tại địa phương.

4. Đánh giá việc bố trí ngân sách (bao gồm cả số ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương - nếu có) và sử dụng dự phòng thực hiện nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh ở người và trên gia súc, gia cầm, cây trồng; tình hình sử dụng dự phòng ngân sách đến 30/6/2013.

5. Tính đúng, tính đủ nhu cầu kinh phí phát sinh hỗ trợ người sản xuất lúa, hỗ trợ địa phương sản xuất lúa theo quy định tại Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

6. Đánh giá tình hình thực hiện chính sách miễn thu thủy lợi phí trên địa bàn địa phương; tình hình triển khai thực hiện miễn thu các khoản đóng góp theo Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ tăng cường chấn chỉnh việc thực hiện các quy định của pháp luật về phí, lệ phí, chính sách huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân.

7. Đánh giá tình hình thực hiện chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất cho đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng của địa phương, thực hiện đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và việc phân bổ lập quỹ phát triển đất từ nguồn thu tiền sử dụng đất và tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ.

8. Tình hình thực hiện huy động vốn đầu tư cơ sở hạ tầng (bao gồm cả tình hình huy động, bố trí vốn để hoàn trả cả gốc và lãi đến 30/6/2013) quy định tại Khoản 3, Điều 8 Luật NSNN, gồm: số dư nợ đầu năm, số huy động trong năm, số trả nợ đến hạn, ước dư nợ huy động đến 31/12/2013 (đối với Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh đánh giá việc huy động vốn đầu tư theo cơ chế tài chính - ngân sách đặc thù của địa phương); tình hình dư nợ, vay trả nợ của ngân sách địa phương chi tiết theo từng nguồn vay (phát hành trái phiếu, vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ, vay Ngân hàng phát triển Việt Nam, vay tồn ngân kho bạc và các khoản vay khác); dự kiến nguồn trả nợ trong năm.

9. Đánh giá tình hình thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng làng nghề, hạ tầng thủy sản (bao gồm kết quả thực hiện, kết quả hoàn trả cả gốc và lãi khi đến hạn).

10. Đánh giá thực hiện tiết kiệm 10% từ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2013 theo Quyết định số 1792/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2013 và tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên của ngân sách địa phương trong 7 tháng cuối năm 2013, dự kiến các nhiệm vụ chi từ nguồn dự phòng NSĐP, nguồn tiết kiệm.

11. Sắp xếp lại các nhiệm vụ chi theo thứ tự ưu tiên để đưa ra phương án cắt giảm hoặc giãn thời gian thực hiện các nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết trong trường hợp sau khi đã điều hành ngân sách tích cực, phấn đấu tăng thu vẫn hụt thu lớn.

12. Đánh giá, phân tích tình hình thu, chi từ nguồn xổ số kiến thiết trên các góc độ: cơ cấu tỷ trọng nguồn thu từ xổ số so với thu ngân sách của địa phương; phân chia doanh thu xổ số (nộp thuế, trả thưởng cho khách hàng, chi phí cho đại lý bán vé, chi phí in vé, quản lý doanh nghiệp và trích lập các quỹ); tỷ lệ vé hủy không bán được; việc sử dụng số thu từ hoạt động xổ số đầu tư các công trình phúc lợi xã hội quan trọng của địa phương, đầu tư đúng, đủ vào các công trình giáo dục, y tế theo Nghị quyết số 68/2006/NQ-QH11.

Chương II
XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2014

Điều 8. Mục tiêu, yêu cầu

Năm 2014 là năm thứ tư thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng khóa XI, kế hoạch phát triển KT-XH và NSNN 5 năm 2011 - 2015 và Chiến lược phát triển KT-XH

và Chiến lược tài chính 10 năm 2011 - 2020, dự báo kinh tế tiếp tục khó khăn ảnh hưởng đến NSNN năm 2014. Theo đó công tác xây dựng dự toán NSNN năm 2014 phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Thực hiện chính sách tài khóa chủ động, linh hoạt nhằm góp phần ổn định trật tự xã hội, an ninh tài chính, thúc đẩy tăng trưởng hợp lý.

2. Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại chi NSNN, yêu cầu rà soát để lồng ghép các chế độ, chính sách, nhiệm vụ đảm bảo hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí; thực hiện tiết kiệm ngay từ khâu bố trí dự toán đối với chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên.

3. Các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2014, bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2015 của ngành, lĩnh vực và địa phương cùng với yêu cầu chi tiêu công chặt chẽ, hiệu quả để xây dựng dự toán NSNN năm 2014 sát với nhiệm vụ, hoạt động trọng tâm của cơ quan, đơn vị; đúng chế độ, chính sách của nhà nước hiện hành, trên tinh thần triệt để tiết kiệm; đảm bảo thời gian quy định của Luật NSNN; dự toán NSNN phải thuyết minh rõ, chi tiết số thu, nhiệm vụ chi.

Điều 9. Xây dựng dự toán thu NSNN

Dự toán thu NSNN năm 2014 phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá sát khả năng thực hiện thu ngân sách năm 2013; các dự báo về tốc độ tăng trưởng sản xuất các ngành công nghiệp, thương mại, dịch vụ, tình hình tiêu thụ các ngành, mức độ tồn kho các mặt hàng, sức mua và khả năng tiếp cận vốn của các doanh nghiệp; tình hình đầu tư, phát triển sản xuất - kinh doanh và hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu năm 2014; đồng thời, tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thực hiện các Luật thuế mới sửa đổi, bổ sung (Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật thuế GTGT sửa đổi), các khoản thu được miễn, giảm, gia hạn, điều chỉnh thuế suất theo các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ. Tăng cường theo dõi, kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế của các tổ chức, cá nhân nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, không đủ số thuế phải nộp; chỉ đạo quyết liệt chống thất thu, thu hồi số thuế nợ đọng từ các năm trước, các khoản thu từ các dự án đầu tư đã hết thời gian ưu đãi, các khoản thu được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán,…

Trên cơ sở đó, dự toán thu nội địa (không kể thu từ dầu thô, thu tiền sử dụng đất) phấn đấu tăng bình quân khoảng 12 - 13% so với đánh giá ước thực hiện năm 2013, dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu phấn đấu tăng bình quân khoảng 8 - 9% so với đánh giá ước thực hiện năm 2013. Mức tăng thu cụ thể tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn của từng địa phương.

1. Xây dựng dự toán thu nội địa

Các địa phương khi xây dựng dự toán thu NSNN trên địa bàn năm 2014 ngoài việc phải đảm bảo các yêu cầu như đã nêu trên, phải tổng hợp toàn bộ các nguồn thu phát sinh trên địa bàn (bao gồm cả số thu ngân sách ở xã, phường, thị trấn). Khi xây dựng dự toán thu NSNN năm 2014 phải dựa trên cơ sở đánh giá đầy đủ kết quả thực tế thực hiện năm 2012; yêu cầu phấn đấu và khả năng thực hiện năm 2013 và số kiểm tra về dự toán thu năm 2014 đã được thông báo. Dự toán thu phải bảo đảm tính đúng, tính đủ từng lĩnh vực thu, từng sắc thuế theo các quy định của pháp luật về thuế, chế độ thu, pháp luật thu từ xử phạt vi phạm hành chính, trong đó, cần chú ý những chế độ, chính sách thu mới được ban hành sửa đổi, bổ sung (chi tiết các văn bản pháp luật ban hành từ cuối năm 2012, đầu năm 2013 ảnh hưởng lớn đến thu NSNN được sử dụng làm căn cứ xây dựng dự toán thu nội địa năm 2014 theo Phụ lục I đính kèm).

2. Xây dựng dự toán thu từ các hoạt động xuất nhập khẩu

Được xây dựng trên cơ sở phân tích, đánh giá diễn biến xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng chịu thuế tác động đến thu ngân sách; tính bền vững của kim ngạch xuất, nhập khẩu các mặt hàng chủ lực; mức độ thuận lợi hóa thương mại, thuận lợi hóa đầu tư và hài hòa tiêu chuẩn khi thực hiện xâm nhập, mở rộng thị trường xuất khẩu; suy giảm cầu tiêu dùng tại các thị trường trọng điểm; khả năng cạnh tranh ngày càng lớn của một số nước trong khu vực; lộ trình thực hiện cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế; tác động do các quy định, quy chuẩn trong thương mại quốc tế (quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình đánh giá sự phù hợp, quy định vệ sinh và kiểm dịch động thực vật).

Phân tích, dự kiến các ảnh hưởng đối với thu NSNN do tác động về giá, tỷ giá, tăng, giảm lượng hàng xuất khẩu, cụ thể từng mặt hàng của từng nhóm hàng xuất khẩu (nông, lâm thủy sản; nhiên liệu, khoáng sản; công nghiệp chế biến), theo từng thị trường.

Phân tích tác động đến thu NSNN do sự thay đổi tỷ giá, giá, tăng, giảm về lượng theo từng mặt hàng của từng nhóm hàng nhập khẩu (nhóm hàng cần kiểm soát nhập khẩu, nhóm hàng hạn chế nhập khẩu, nhóm hàng cần nhập khẩu, nhóm hàng hóa khác) của khu vực doanh nghiệp 100% vốn trong nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;... và theo thị trường nhập khẩu.

Dự toán thu phải được xây dựng trên cơ sở thực hiện đúng quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính; mức thuế suất của Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế quy định Thông tư số 157/2011/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2011

của Bộ Tài chính và các văn bản có liên quan. Đẩy mạnh đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan để rút ngắn thời gian thông quan và tiết giảm chi phí đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu. Tăng cường các biện pháp chống thất thu như: xử lý nợ thuế, chống buôn lậu, trốn thuế, chống gian lận thương mại.

3. Các khoản thu được để lại chi theo chế độ (học phí, phí, lệ phí khác và các khoản huy động đóng góp khác, riêng lĩnh vực y tế là giá dịch vụ khám, chữa bệnh)

Các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương căn cứ số thu thực hiện năm 2012, ước thực hiện thu năm 2013, dự kiến điều chỉnh các mức thu trong năm 2014, khả năng đóng góp của người sử dụng dịch vụ và những yếu tố dự kiến tác động đến thu năm 2014 để xây dựng dự toán thu phù hợp, tích cực. Các khoản thu sự nghiệp mang tính chất giá dịch vụ kinh doanh của cơ quan, đơn vị, không thuộc nguồn thu NSNN, không đưa chung vào dự toán thu phí, lệ phí thuộc NSNN nhưng phải lập dự toán riêng để theo dõi, quản lý.

Điều 10. Xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước

Các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chính trị trọng tâm, trọng điểm và có khả năng thực hiện trong năm 2014, trên cơ sở đó lập dự toán chi NSNN theo đúng các quy định pháp luật về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách hiện hành, trong phạm vi số kiểm tra được cơ quan có thẩm quyền thông báo, chủ động sắp xếp thứ tự các nhiệm vụ chi theo mức độ ưu tiên; thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán.

Để phục vụ kịp thời cho công tác xây dựng dự toán NSNN năm 2014, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm:

- Tiếp tục rà soát hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc ngành, lĩnh vực quản lý để sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền bãi bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật không phù hợp với thực tế.

- Thực hiện đánh giá tổng thể toàn bộ các chính sách, chế độ đã được ban hành thời gian vừa qua (nhất là chính sách an sinh xã hội), trên cơ sở đó lồng ghép các chính sách, thực hiện bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền bãi bỏ ngay các chính sách, chế độ còn chồng chéo, không hiệu quả; hạn chế tối đa việc ban hành các chính sách, chế độ mới (kể cả việc mở rộng đối tượng và phạm vi áp dụng của các chính sách, chế độ an sinh xã hội đang thực hiện) làm tăng chi NSNN. Chỉ trình cấp có thẩm quyền quyết định các chính sách khi cân đối được nguồn lực, bảo đảm tính khả thi trong tổ chức thực hiện.

Việc xây dựng dự toán chi NSNN năm 2014 đối với một số lĩnh vực, nhiệm vụ cụ thể được thực hiện như sau:

1. Xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển

Vốn đầu tư XDCB bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2014 phải bố trí tập trung, gắn với tái cơ cấu đầu tư công, tăng cường hiệu quả đầu tư của ngân

sách nhà nước. Các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương khi xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển phải gắn kết chặt chẽ với mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2014 và chú ý các nội dung sau:

a) Kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô của từng dự án đầu tư theo đúng mục tiêu, lĩnh vực, chương trình đã phê duyệt, chỉ được quyết định đầu tư khi đã xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ở từng cấp ngân sách;

b) Rà soát các dự án, công trình để xác định danh mục các dự án ưu tiên đầu tư trong năm 2014 đảm bảo tập trung, hiệu quả. Trong đó:

- Tập trung vốn cho các dự án, công trình đã hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trong năm 2013 nhưng chưa bố trí đủ vốn; quyết liệt thực hiện xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản theo Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ;

- Ưu tiên vốn cho các dự án quan trọng, cấp bách dự kiến cần phải hoàn thành năm 2014 (theo tiến độ trong quyết định đầu tư, khả năng cân đối vốn và khả năng thực hiện trong năm 2014); vốn đối ứng cho các dự án ODA theo tiến độ thực hiện dự án; các dự án sử dụng vốn trái phiếu chính phủ giai đoạn 2012 - 2015 nhưng chưa được bố trí đủ vốn từ nguồn trái phiếu chính phủ để hoàn thành dự án;

- Thu hồi các khoản vốn ứng đến hạn phải trả;

- Vốn còn lại bố trí cho các dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; chỉ lập dự toán chi đầu tư cho dự án mới thật sự cấp bách đã xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ở từng cấp ngân sách và phải đủ thủ tục đầu tư theo quy định; việc bố trí vốn phải đảm bảo dự án nhóm C hoàn thành trong 3 năm, nhóm B hoàn thành trong 5 năm.

c) Lập dự toán chi đầu tư từ nguồn xử lý sắp xếp lại nhà đất thuộc sở hữu nhà nước theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2007 và số 140/2008/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ;

d) Các Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương được giao thực hiện các dự án sử dụng nguồn vốn trái phiếu chính phủ chủ động đánh giá, tổng hợp tình hình thực hiện trái phiếu chính phủ năm 2013, bao gồm cả các dự án đã được cấp có thẩm quyền cho phép ứng trước nguồn trái phiếu Chính phủ năm 2014, lập kế hoạch sử dụng vốn trái phiếu còn lại giai đoạn 2014 - 2015 để hoàn trả vốn ngân sách ứng trước và đảm bảo hoàn thành dự án theo đúng kế hoạch, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để trình Chính phủ báo cáo Quốc hội;

đ) Chủ đầu tư các dự án được đầu tư từ nguồn vốn Chính phủ vay về cho vay lại phải tự thu xếp đủ vốn đối ứng cho các dự án này phù hợp với nội dung hiệp định đã ký kết và quy chế quản lý tài chính trong nước để không ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện;

e) Đối với dự toán chi cấp bù chênh lệch lãi suất tín dụng đầu tư phát triển, tín dụng chính sách của Nhà nước, căn cứ vào tình hình thực hiện năm 2013 dự kiến những thay đổi về chính sách và nhiệm vụ năm 2014 để xây dựng dự toán chi theo chế độ quy định;

f) Đối với dự toán chi bổ sung dự trữ quốc gia: Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ dự trữ quốc gia được giao, yêu cầu phòng ngừa, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, đảm bảo an ninh, quốc phòng, an sinh xã hội các Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm đánh giá xác định mức dự trữ quốc gia do Bộ, ngành, đơn vị quản lý đến 31/12/2013; dự kiến mức bổ sung dự trữ từng loại hàng hóa, vật tư thiết bị thiết yếu, lập dự toán ngân sách nhà nước chi tăng dự trữ quốc gia, chi bảo quản hàng hóa và kế hoạch luân phiên đổi mới hàng dự trữ quốc gia năm 2014.

2. Chi thường xuyên

a) Trong phạm vi cả nước xây dựng dự toán chi phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, văn hóa - thông tin, môi trường theo các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội; ưu tiên chi quốc phòng, an ninh trong tình hình mới; đảm bảo chi an sinh xã hội; chi quản lý hành chính nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm. Các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương căn cứ nhiệm vụ chính trị, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2014 của Bộ, cơ quan và từng địa phương, xây dựng dự toán chi thường xuyên trên cơ sở định mức phân bổ chi thường xuyên theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và chính sách, chế độ cụ thể đã được cấp có thẩm quyền ban hành. Trong đó, chi tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương tính theo mức tiền lương cơ sở 1.150.000 đồng/tháng, các khoản trích theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) thực hiện theo Luật bảo hiểm y tế, lộ trình điều chỉnh của Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn;

b) Rà soát các chương trình, đề án để lồng ghép, giảm bớt sự trùng lắp, chồng chéo, lãng phí. Sắp xếp, cơ cấu lại nhiệm vụ chi phù hợp với khả năng cân đối của NSNN. Các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là các bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các địa phương phân định rõ loại dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công thực hiện, loại dịch vụ do các đơn vị ngoài công lập thực hiện; xây dựng khung giá, phí dịch vụ các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng có phân loại để điều chỉnh: loại đơn vị có thể điều chỉnh giá, phí để tính đủ tiền lương; loại đơn vị có thể điều chỉnh giá, phí tính đủ tiền lương, một phần hoặc toàn bộ chi phí quản lý và khấu hao tài sản cố định. Trên cơ sở đó, phân loại các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo các mức giá, phí để xác định mức hỗ trợ từ ngân sách cho phù hợp;

c) Các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng ngân sách lập dự toán chi thường xuyên đúng tính chất nguồn kinh phí, triệt để tiết kiệm, đặc biệt là dự toán chi mua sắm phương tiện, trang thiết bị đắt tiền, hạn

chế tối đa về số lượng và quy mô tổ chức lễ hội, hội nghị, hội thảo, tổng kết, lễ ký kết, khởi công, phong tặng danh hiệu, tiếp khách, đi công tác trong và ngoài nước và các nhiệm vụ không cần thiết, cấp bách khác; dự toán chi cho các nhiệm vụ này không tăng so với số thực hiện năm 2013 (sau khi đã tiết kiệm 30% dự toán năm 2013);

d) Xây dựng dự toán chi sự nghiệp kinh tế trên cơ sở khối lượng nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và chế độ, định mức chi ngân sách quy định; tập trung bố trí chi cho những nhiệm vụ quan trọng: duy tu bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kinh tế trọng yếu (giao thông, thủy lợi,...) để tăng thời gian sử dụng và hiệu quả đầu tư; kinh phí thực hiện công tác quy hoạch; thực hiện nhiệm vụ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công; nhiệm vụ đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuân thủ nghiêm quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ trong tổ chức triển khai thực hiện;

đ) Xây dựng và tổng hợp dự toán chi đảm bảo hoạt động của các lực lượng chức năng thực hiện nhiệm vụ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật trong dự toán chi thường xuyên lĩnh vực tương ứng của các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương;

e) Ngoài các quy định chung nêu trên, các Bộ, cơ quan trung ương khi xây dựng dự toán cần thuyết minh rõ thêm một số nội dung sau:

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đặc thù, các chương trình, dự án thuộc các lĩnh vực chi: Xây dựng trên cơ sở khối lượng nội dung công việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tiến độ triển khai, cơ sở tính toán, cam kết huy động các nguồn lực ngoài ngân sách;

- Chi quản lý hành chính: Thuyết minh rõ các nội dung sau:

+ Số biên chế được duyệt đến thời điểm lập dự toán, trong đó số biên chế thực có mặt đến thời điểm lập dự toán, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu được duyệt, (nếu có); số người làm việc theo chế độ hợp đồng không thời hạn tại các cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan Đảng, tổ chức chính trị xã hội theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

+ Xác định Quỹ tiền lương, phụ cấp theo mức lương cơ sở 1.150.000đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo, bao gồm:

* Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt, thực có mặt tính đến thời điểm lập dự toán, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp lương theo chế độ; các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn);

* Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển, được dự kiến trên cơ sở mức lương cơ sở 1.150.000 đồng/tháng, hệ số lương 2,34/biên chế, các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn);

* Quỹ tiền lương, phụ cấp của số đối tượng làm việc theo chế độ hợp đồng không thời hạn theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, được xác định tương tự như đối với số biên chế được duyệt, thực có mặt tại thời điểm lập dự toán.

+ Mức kinh phí đảm bảo theo định mức quy định tại Quyết định số 59/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo: Thuyết minh rõ cơ sở xây dựng dự toán chi thực hiện chính sách phụ cấp thâm niên ngành giáo dục, chi thực hiện cơ chế miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho các đối tượng quy định tại Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; kinh phí thực hiện Nghị định số 19/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; kinh phí triển khai các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phát triển giáo dục (Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09 tháng 02 năm 2010 về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi giai đoạn 2010 - 2015, Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2011 về một số chính sách phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2011 - 2015; Quyết định số 12/2013/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2013 về hỗ trợ học sinh ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; Quyết định số 85/2010/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2010 về một số chính sách hỗ trợ học sinh bán trú và trường phổ thông dân tộc bán trú; Quyết định số 1558/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 2010 phê duyệt Đề án Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử; Quyết định số 911/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2010 phê duyệt Đề án Đào tạo giảng viên có trình độ tiến sỹ cho các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2010 - 2020; Quyết định số 472/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2010 phê duyệt Đề án Đào tạo giáo viên giáo dục quốc phòng - an ninh cho các trường trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề giai đoạn 2010 - 2016; Quyết định số 1505/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2008 phê duyệt Đề án đào tạo theo Chương trình tiên tiến tại một số trường đại học Việt Nam giai đoạn 2008 - 2015 và các Đề án đào tạo lưu học sinh Việt Nam ở nước ngoài; Quyết định số 799/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2011 phê duyệt Đề án đào tạo cán bộ quân sự Ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn trình độ cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở đến năm 2020 và những năm tiếp theo).

- Chi nghiên cứu khoa học: Kinh phí thực hiện các đề tài, dự án, nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải trên cơ sở quyết định phê duyệt của cấp có thẩm

quyền về danh mục, dự toán kinh phí; thuyết minh nội dung, phân kỳ thực hiện theo từng năm. Kinh phí hoạt động thường xuyên phải nêu rõ các nội dung có sự tăng, giảm so với dự toán 2013 cùng nguyên nhân và cơ sở tính toán kèm theo.

3. Cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương

Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tiếp tục chủ động thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định: nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên không kể tiền lương và các khoản có tính chất lương; một phần số thu được để lại theo chế độ của các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp; 50% tăng thu ngân sách địa phương (không kể tăng thu tiền sử dụng đất); các nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm trước chưa sử dụng hết (nếu có) để thực hiện tiền lương cơ sở (thay cho mức lương tối thiểu chung) đến mức 1,15 triệu đồng/tháng của năm 2014 đủ 12 tháng.

4. Xây dựng dự toán các chương trình mục tiêu quốc gia

Các Bộ, cơ quan quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, thời gian, nguồn lực thực hiện các dự án của từng chương trình mục tiêu quốc gia đã được phê duyệt và kết quả thực hiện 3 năm (2011 - 2013) đã gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để trình Chính phủ báo cáo Quốc hội, đề xuất vốn, kinh phí thực hiện các chương trình, dự án theo hướng tập trung vốn, kinh phí cho các nhiệm vụ trọng tâm của chương trình; chi tiết theo các nguồn vốn đầu tư - sự nghiệp, vốn trong nước - ngoài nước. Không tăng kinh phí bố trí cho các nhiệm vụ chi hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết, tham quan, học tập,… so với dự toán 2013 (dự toán sau khi đã tiết kiệm 30% kinh phí bố trí cho các nhiệm vụ này); không lập dự toán kinh phí đoàn ra trong dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia. Tăng cường phân cấp, nâng cao trách nhiệm của địa phương trong việc lồng ghép, phân bổ, sử dụng nguồn vốn được giao để thực hiện được các mục tiêu chung của các chương trình, đảm bảo sử dụng vốn tiết kiệm và hiệu quả.

5. Xây dựng dự toán chi ngân sách trung ương cho các chương trình, đề án do các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương cùng thực hiện

a) Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các chương trình, đề án; số kinh phí đã bố trí từ thời điểm bắt đầu thực hiện đến năm 2013. Các bộ, cơ quan chủ trì các chương trình, đề án lập dự toán chi ngân sách thực hiện chương trình, dự án năm 2014 phù hợp với khả năng triển khai và tổng hợp trong dự toán chi NSNN năm 2014 của các bộ, cơ quan trung ương (chi tiết theo tính chất nguồn vốn) gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

b) Căn cứ dự kiến mức bố trí kinh phí cho các chương trình, đề án do Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo, các Bộ, cơ quan Trung ương được giao quản lý chương trình, dự án dự kiến phương án phân bổ dự toán chi chương trình, đề án năm 2014 cho các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương (chi tiết theo tính

chất nguồn vốn) gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp. Không tăng kinh phí bố trí cho các nhiệm vụ chi hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết, tham quan, học tập,… so với dự toán 2013 (dự toán sau khi đã tiết kiệm 30% kinh phí bố trí cho các nhiệm vụ này); không lập dự toán kinh phí đoàn ra trong dự toán chi chương trình, đề án.

6. Đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi

Thực hiện lập dự toán ngân sách năm 2014 đầy đủ, theo đúng trình tự, quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn, các Nghị định của Chính phủ về quản lý đầu tư và xây dựng cơ bản, quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi, tiến độ giải ngân trong các văn kiện chương trình/dự án, hiệp định tài trợ đã ký kết và khả năng thực hiện trong năm 2014, trong đó chi tiết nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng theo các chương trình, dự án và theo tính chất nguồn vốn (đầu tư xây dựng cơ bản và kinh phí sự nghiệp).

7. Dự toán dự phòng ngân sách nhà nước

Ngân sách trung ương và ngân sách địa phương các cấp bố trí dự phòng ngân sách theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước để chủ động đối phó với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh ngoài dự toán.

8. Dự toán chi từ nguồn thu được để lại theo chế độ

Các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương thực hiện lập dự toán thu (học phí, phí, lệ phí khác và các khoản huy động đóng góp, riêng lĩnh vực y tế là giá dịch vụ khám, chữa bệnh) và dự toán chi từ nguồn thu được để lại theo chế độ quy định theo đúng các nội dung đã quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều này và tổng hợp chung trong dự toán thu, chi ngân sách của các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương.

9. Căn cứ số kiểm tra thu, chi ngân sách năm 2014, các Bộ, cơ quan Trung ương, các địa phương xây dựng dự toán chi phải chặt chẽ và chi tiết đối với từng nhiệm vụ, từng đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc; sau khi đã làm việc với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai ngay công tác lập phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2014 của Bộ, cơ quan, địa phương mình để khi nhận được dự toán ngân sách Thủ tướng Chính phủ giao, chủ động trình cấp có thẩm quyền quyết định phân bổ và giao dự toán ngân sách đến đơn vị sử dụng ngân sách đảm bảo trước ngày 31 tháng 12 năm 2013 theo đúng quy định của Luật NSNN.

Các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương phải tập trung chỉ đạo rà soát lại tất cả các khâu trong công tác phân bổ, quản lý, sử dụng NSNN, đặc biệt là vốn

đầu tư XDCB và vốn vay, viện trợ, nhằm đảm bảo việc phân bổ ngân sách đúng mục tiêu, đúng chế độ, đúng đối tượng; việc quản lý, sử dụng ngân sách phải chặt chẽ, hiệu quả, có chế độ báo cáo, kiểm tra, kiểm toán, tránh để xảy ra thất thoát, lãng phí.

Điều 11. Xây dựng dự toán ngân sách địa phương các cấp

Dự toán ngân sách địa phương năm 2014 được xây dựng đảm bảo cân đối đủ nguồn lực thực hiện các chế độ, chính sách đã được cấp có thẩm quyền ban hành và theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, góp phần tích cực cùng Trung ương thực hiện ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, từng bước tái cấu trúc nền kinh tế nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý và bền vững.

1. Xây dựng dự toán thu ngân sách trên địa bàn

Căn cứ mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2015 đã được Đại hội Đảng các cấp thông qua, khả năng thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội và ngân sách năm 2013, trên cơ sở dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế và nguồn thu năm 2014 đối với từng ngành, từng lĩnh vực, các cơ sở kinh tế của từng địa phương và những nguồn thu mới phát sinh trên địa bàn để tính đúng, tính đủ từng lĩnh vực thu, từng khoản thu theo chế độ. Phân tích, đánh giá cụ thể những tác động tăng, giảm thu ảnh hưởng đến dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2014 theo từng địa bàn, lĩnh vực thu, từng khoản thu, sắc thuế.

2. Về xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương: Năm 2014 là năm trong thời kỳ ổn định ngân sách địa phương (2011 - 2015) theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban nhân dân các cấp chủ động xây dựng dự toán ngân sách địa phương mình trên cơ sở nguồn thu và nhiệm vụ chi đã được phân cấp ổn định; dự toán ngân sách các cấp địa phương năm 2014 được xây dựng trên cơ sở: nguồn thu được xác định căn cứ tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách, nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng 100% theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới (nếu có) được ổn định theo mức dự toán năm 2013 đã được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng nhân dân cấp trên quyết định, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp trên giao. Căn cứ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương năm 2014, chế độ chính sách, định mức chi hiện hành; xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2014 cụ thể theo từng lĩnh vực, có thứ tự nhiệm vụ ưu tiên, đồng thời thực hiện những nội dung chủ yếu sau:

a) Tiếp tục rà soát, phân loại các dự án để ưu tiên bố trí kinh phí cho các dự án có hiệu quả về kinh tế - xã hội, các dự án phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, khắc phục hậu quả thiên tai,... các dự án có khả năng hoàn thành trong năm 2014. Rà soát, giám sát chặt chẽ việc bố trí dự toán cho các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng

kinh tế như khu kinh tế, khu công nghiệp, trong đó các dự án cơ sở hạ tầng có ý nghĩa phát triển kinh tế xã hội không chỉ đối với riêng địa phương mà còn đối với cả vùng, trước khi triển khai thực hiện cần chủ động lấy ý kiến tư vấn, giám sát từ các cơ quan trung ương, ý kiến phản biện của các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các địa phương có liên quan để đảm bảo hiệu quả kinh tế chung của cả vùng, tránh tình trạng đầu tư phân mảnh với tầm nhìn hạn chế về không gian (địa giới hành chính) và thời gian (nhiệm kỳ thực hiện). Chú trọng thực hiện nhiệm vụ xóa đói, giảm nghèo, tạo việc làm, xử lý các tệ nạn xã hội;…; bố trí đủ vốn đối ứng cho các dự án ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định địa phương phải bố trí từ ngân sách địa phương; dành nguồn trong dự toán chi XDCB để xử lý các khoản nợ XDCB, các khoản ứng trước, nợ huy động phải trả khi đến hạn;

b) Bố trí dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản của ngân sách địa phương từ nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, các dự án di dân, tái định cư, chuẩn bị mặt bằng xây dựng; chủ động phân bổ lập quỹ phát triển đất theo quy định tại Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ; ưu tiên bố trí đủ kinh phí để đẩy nhanh công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai và Nghị quyết của Quốc hội;

c) Đối với nguồn thu từ xổ số kiến thiết tiếp tục được sử dụng để đầu tư các công trình phúc lợi xã hội; trong đó, tập trung cho các lĩnh vực giáo dục, y tế theo quy định và thực hiện quản lý thu, chi qua ngân sách nhà nước (không đưa vào cân đối ngân sách nhà nước);

d) Xây dựng phương án huy động vốn đầu tư cơ sở hạ tầng ở địa phương, bố trí ngân sách địa phương đảm bảo hoàn trả đủ các khoản đến hạn (cả gốc và lãi) phải trả theo đúng quy định tại Khoản 3 Điều 8 Luật ngân sách nhà nước;

đ) Xây dựng dự toán chi đầu tư từ nguồn trái phiếu Chính phủ đối với các công trình giao thông, thủy lợi, các cơ sở y tế, kiên cố hóa trường lớp học và xây nhà công vụ giáo viên theo đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; trong đó, chủ động dành nguồn ngân sách địa phương (xổ số kiến thiết, chi đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương) để thực hiện đầu tư cho các chương trình kiên cố hóa trường lớp học và xây nhà công vụ giáo viên theo tỷ lệ do Bộ Tài chính quy định;

e) Đối với các nhiệm vụ đầu tư hạ tầng theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của Bộ Chính trị,... căn cứ mục tiêu nhiệm vụ và nhu cầu nguồn vốn đầu tư đã quy định; căn cứ kết quả đã đầu tư đến hết năm 2012, khả năng thực hiện năm 2013, các địa phương chủ động xây dựng, tính toán nhiệm vụ năm 2014, trong đó chủ động bố trí, sắp xếp ngân sách địa phương và các nguồn tài chính theo chế độ quy định để thực hiện các nhiệm vụ trên, giảm dần sự phụ thuộc các khoản trợ cấp từ ngân sách Trung ương;

f) Đối với các nhiệm vụ chương trình, dự án theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các huyện nghèo, Quyết định số 615/QĐ-TTg ngày 25 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế chính sách đối với 7 huyện nghèo và Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế chính sách đối với 23 huyện nghèo: Căn cứ mục tiêu nhiệm vụ và nhu cầu nguồn vốn đầu tư, các chế độ chính sách đã quy định và căn cứ khả năng thực hiện năm 2013, các địa phương xây dựng, tính toán nhiệm vụ năm 2014, dự kiến mức đề nghị ngân sách Trung ương hỗ trợ kèm theo thuyết minh các căn cứ tính toán;

g) Bố trí kinh phí thực hiện các Nghị quyết số 37/2004/QH11 ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Quốc hội về giáo dục, Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) đối với lĩnh vực khoa học công nghệ, Nghị quyết số 41/NQ-TW ngày 15 tháng 11 năm 2004 của Bộ Chính trị đối với nhiệm vụ bảo vệ môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương;

h) Lập dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo an sinh xã hội (kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Luật người cao tuổi, Luật người khuyết tật, Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội, Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2010 Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP, Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2011 - 2015, miễn giảm học phí theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP, kinh phí khen thưởng, tặng huy hiệu đảng, hội đoàn thể vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế trẻ em dưới 6 tuổi, người nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình làm nông, lâm, ngư, diêm nghiệp; kinh phí chi bảo trợ xã hội, chế độ học bổng học sinh, miễn thu thủy lợi phí,...), quốc phòng, an ninh (Luật dân quân tự vệ, Pháp lệnh Công an xã), trong đó chủ động nguồn ngân sách địa phương và dự kiến mức hỗ trợ từ ngân sách Trung ương;

i) Xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2014, các địa phương chủ động tính toán dành các nguồn để thực hiện chi cải cách tiền lương như hướng dẫn tại Khoản 3, Điều 10 của Thông tư này;

k) Bố trí dự phòng ngân sách địa phương; bổ sung quỹ dự trữ tài chính theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, để chủ động ứng phó với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và xử lý những nhiệm vụ cấp bách ở địa phương.

3. Về cân đối ngân sách địa phương

a) Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương trên cơ sở nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng và số bổ sung

cân đối (nếu có) từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương theo mức ổn định như mức dự toán năm 2013 Thủ tướng Chính phủ đã giao cho địa phương. Đồng thời, đối với các địa phương được nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương, kiến nghị cụ thể mức hỗ trợ khó khăn cấp bách của địa phương theo quy định tại Điểm 20 Mục II định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2011 ban hành kèm theo Quyết định số 59/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

b) Đối với những tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có nhu cầu huy động thêm vốn để tăng đầu tư phát triển phải xây dựng dự toán theo đúng quy định tại Khoản 3 Điều 8 Luật ngân sách nhà nước đảm bảo mức dư nợ huy động (kể cả số dự kiến huy động năm 2013) không vượt quá 30% (đối với thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh là 100%) dự toán chi đầu tư XDCB của ngân sách cấp tỉnh; đồng thời phải bố trí nguồn để hoàn trả các khoản đến hạn (cả gốc và lãi).

4. Đối với các cấp chính quyền địa phương thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân, nội dung lập dự toán ngân sách năm 2013 thực hiện theo quy định tại Thông tư này; về trình tự và thời gian thực hiện theo quy định tại Thông tư số 63/2009/TT-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định về công tác lập dự toán, tổ chức thực hiện dự toán và quyết toán ngân sách huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án thực hiện từ nguồn ngân sách trung ương và do nhiều Bộ, cơ quan trung ương cùng thực hiện

1. Phối hợp với các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương liên quan dự kiến nhiệm vụ, mức kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án năm 2014 gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20 tháng 7 năm 2013.

2. Lập phương án phân bổ dự toán chi năm 2014 đối với từng Bộ, cơ quan Trung ương và từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp theo thời hạn quy định tại văn bản thông báo mức kinh phí năm 2014 cho các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 13. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương

1. Căn cứ số kiểm tra đã được thông báo, các Bộ, cơ quan Trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn và thông báo số

kiểm tra về dự toán thu, chi ngân sách cho các đơn vị dự toán trực thuộc và ngân sách cấp dưới theo quy định.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính lập dự toán năm 2014 về chi đầu tư phát triển, phương án phân bổ chi đầu tư phát triển (bao gồm cả phương án phân bổ vốn đầu tư phát triển các Chương trình mục tiêu quốc gia) gửi Bộ Tài chính trước ngày 10 tháng 9 năm 2013.

3. Thực hiện đổi mới chương trình công tác xây dựng dự toán đảm bảo chất lượng và thực hành tiết kiệm, hiệu quả việc tổ chức công tác xây dựng ngân sách năm 2014, cơ quan chuyên môn của Bộ Tài chính không thảo luận với Sở Tài chính. Việc tổ chức công tác xây dựng, tổng hợp và báo cáo dự toán ngân sách năm 2014 theo đúng quy định của Luật NSNN, các văn bản hướng dẫn và những nội dung theo hướng dẫn của Thông tư này; báo cáo đầy đủ nội dung, biểu mẫu theo quy định của Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính và các biểu mẫu có liên quan quy định tại Thông tư này; gửi Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước trước ngày 20 tháng 7 năm 2013 đối với các Bộ, cơ quan Trung ương, trước ngày 25 tháng 7 năm 2013 đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đăng ký thảo luận dự toán ngân sách giữa Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh với Bộ Tài chính đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách (nếu cần thiết).

Điều 14. Về biểu mẫu lập và báo cáo dự toán ngân sách năm 2014

1. Đối với các Bộ, cơ quan Trung ương: Tổng hợp và báo cáo Bộ Tài chính dự toán NSNN theo các biểu mẫu và thời gian quy định tại Thông tư số 59/2003/TT-BTC, các biểu mẫu bổ sung (Biểu số 2, 5 và 11) quy định tại Thông tư này và biểu mẫu quy định tại Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BTC-BNV ngày 17 tháng 01 năm 2006 của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ, Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 43/2006/NĐ-CP; trong đó chú ý xây dựng dự toán ngân sách chi tiết đến từng đơn vị sử dụng ngân sách (theo Biểu số 02 - Phụ lục số 2 - Thông tư số 59/2003/TT-BTC) và nhiệm vụ quan trọng của Bộ, cơ quan để giải trình báo cáo Quốc hội về dự toán ngân sách của từng Bộ, cơ quan Trung ương.

2. Đối với các địa phương: Tổng hợp lập dự toán ngân sách địa phương, báo cáo Bộ Tài chính theo các mẫu biểu (Biểu số 01, 02, 06, 07, 10, 12, 13, 14, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23 - Phụ lục số 6) và thời gian quy định tại Thông tư số 59/2003/TT-BTC, các biểu mẫu bổ sung (Biểu số 01, 03, 04, 06, 07, 08, 09, 10, 12, 13 và 14) quy định tại Thông tư này và các mẫu biểu (Biểu số 1.07, 1.08, 1.13 - Phụ lục I; Biểu số 2.01, 2.02 - Phụ lục II) quy định tại Thông tư số 53/2011/TT-BTC ngày 27 tháng 4 năm 2011.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2013. Nội dung, quy trình và thời gian lập dự toán ngân sách nhà nước 2014 được thực hiện theo quy định của Luật NSNN, các văn bản hướng dẫn Luật và hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Trong quá trình xây dựng dự toán ngân sách năm 2014, nếu có những chính sách chế độ mới ban hành, Bộ Tài chính sẽ có thông báo hướng dẫn bổ sung; nếu phát sinh vướng mắc trong công tác tổ chức xây dựng dự toán ngân sách năm 2014 đề nghị các Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước phản ánh về Bộ Tài chính để kịp thời xử lý./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Công Nghiệp

Phụ lục 1

CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ẢNH HƯỞNG LỚN ĐẾN THU NSNN ĐƯỢC SỬ DỤNG LÀM CƠ SỞ XÂY DỰNG DỰ TOÁN THU NỘI ĐỊA NĂM 2014

(Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính)

STT	Nội dung
I	**Thuế Thu nhập doanh nghiệp**
1	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 5 - tháng 5/2013)
2	Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/7/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008, Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp
3	Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính về quy định ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp
4	Thông tư số 199/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011 của Chính phủ về việc chuyển đổi ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện ưu đãi về tỷ lệ xuất khẩu mà bị chấm dứt ưu đãi theo cam kết WTO
II	**Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng** (trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 5 - tháng 5/2013)
III	**Thuế Thu nhập cá nhân**
	Luật số 26/2012/QH13 ngày 22/11/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân
IV	**Thuế tài nguyên**
	Quyết định số 155/QĐ-BTC ngày 22/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố giá bán điện thương phẩm bình quân áp dụng làm giá tính thuế tài nguyên nước thiên nhiên sản xuất thủy điện
V	**Thuế bảo vệ môi trường**
1	Nghị định số 69/2012/NĐ-CP ngày 14/9/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Khoản 3, Điều 2, Nghị định số 67/2011/NĐ-CP ngày 08/8/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế bảo vệ môi trường

STT	Nội dung
2	Thông tư số 159/2012/TT-BTC ngày 28/9/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 152/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 hướng dẫn thi hành Nghị định số 67/2011/NĐ-CP ngày 08/8/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế bảo vệ môi trường
VI	**Phí, lệ phí**
1	Thông tư số 190/2012/TT-BTC ngày 09/11/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 66/2009/TT-BTC ngày 30/3/2009 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp hộ chiếu, thị thực, giấy tờ về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam
2	Thông tư số 189/2012/TT-BTC ngày 09/11/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 236/2009/TT-BTC ngày 15/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí lãnh sự áp dụng tại các cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài
3	Thông tư số 01/2013/TT-BTC ngày 02/01/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 36/2004/TT-BTC ngày 26/4/2004 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí hợp pháp hóa, chứng nhận lãnh sự
4	Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải
5	Nghị định số 23/2013/NĐ-CP ngày 25/3/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ về lệ phí trước bạ
6	Thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28/3/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31/8/2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lệ phí trước bạ
VII	**Các khoản thu về đất**
	Thông tư số 216/2012/TT-BTC ngày 10/12/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định tiền thuê đất đối với đất trồng cây cao su
VIII	**Luật quản lý thuế**
	Luật số 21/2012/QH13 ngày 3/12/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế
IX	**Cơ chế đặc thù**
1	Thông tư số 148/2012/TT-BTC ngày 11/9/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi

STT	Nội dung
2	Thông tư số 169/2012/TT-BTC ngày 11/9/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi mức thuế suất thuế xuất khẩu đối với mặt hàng than thuộc nhóm 27.01 tại Biểu thuế xuất khẩu
3	Thông tư số 206/2012/TT-BTC ngày 26/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập quản lý và sử dụng các quỹ tập trung của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
4	Quyết định số 155/QĐ-BTC ngày 22/01/2013 của Bộ Tài chính về việc công bố giá bán điện thương phẩm bình quân áp dụng làm giá tính thuế tài nguyên nước thiên nhiên sản xuất thủy điện
5	Thông tư số 24/2013/TT-BTC ngày 01/3/2013 hướng dẫn thực hiện thu điều tiết đối với sản phẩm lọc dầu và hóa dầu tiêu thụ trong nước của Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên lọc hóa dầu Bình Sơn
6	Thông tư số 58/2013/TT-BTC ngày 08/5/2013 của Bộ Tài chính về sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi
7	Quyết định số 07/2013/QĐ-TTg ngày 29/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ tài chính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
X	**Chính sách tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân**
1	Thông tư số 175/2012/TT-BTC ngày 22/10/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 67/NQ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ
2	Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu
3	Thông tư số 16/2013/TT-BTC ngày 08/02/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc gia hạn, giảm một số khoản thu ngân sách nhà nước theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu
4	Thông tư số 30/2013/TT-BTC ngày 18/3/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoàn lại tiền thuế bảo vệ môi trường đối với túi ni lông làm bao bì đóng gói sẵn hàng hóa theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013.
XI	**Thu từ xử phạt vi phạm hành chính**
	Luật số 15/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012 về xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn

Phụ lục 2

BIỂU MẪU BỔ SUNG LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2014

(Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính)

Biểu số 1: Tổng hợp kết quả thực hiện và dự kiến các chỉ tiêu kinh tế - xã hội *(dùng cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).*

Biểu số 2: Thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2013 và dự toán năm 2014 *(dùng cho các Bộ, cơ quan Trung ương).*

Biểu số 3: Thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2013 và dự toán năm 2014 *(dùng cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)*

Biểu số 4: Tổng hợp số thuế TNDN, GTGT, tiền thuê đất được giảm, giãn theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu *(dùng cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)*

Biểu số 5: Đánh giá huy động và sử dụng nguồn lực đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực năm 2013 và dự kiến 2014 *(dùng cho các Bộ, cơ quan Trung ương quản lý ngành, lĩnh vực)*

Biểu số 6: Báo cáo kết quả phân bổ, giao dự toán vốn đầu tư từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW để thực hiện chương trình, dự án, nhiệm vụ quan trọng năm 2013 và dự toán năm 2014 *(dùng cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)*

Biểu số 7: Tổng hợp mức huy động vốn của ngân sách địa phương 2011 - 2013, kế hoạch 2014 - 2015 *(dùng cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)*

Biểu số 8: Tổng hợp vốn huy động đầu tư xã hội năm 2013 và dự toán năm 2014 *(dùng cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)*

Biểu số 9: Tổng hợp vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết năm 2013 và năm 2014 *(dùng cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)*

Biểu số 10: Báo cáo kết quả phân bổ, thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia năm 2013 và dự toán năm 2014 *(dùng cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)*

Biểu số 11: Dự kiến nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2013 theo mức lương cơ sở 1.150.000 đồng/tháng từ 01/7/2013 *(dùng cho các Bộ, cơ quan Trung ương)*

Biểu số 12: Báo cáo tình hình thực hiện chính sách bảo hiểm y tế cho người nghèo, trẻ em dưới sáu tuổi, người cận nghèo, học sinh sinh viên, người thuộc hộ lâm, ngư, diêm nghiệp *(dùng cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)*

Biểu số 13: Tổng hợp Quỹ tiền lương và các khoản phụ cấp năm 2013

Biểu số 14: Tổng hợp nhu cầu, nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2013 theo lĩnh vực *(dùng cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)*

Tỉnh, thành phố:……. **Biểu số: 1**

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN VÀ DỰ KIẾN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch giai đoạn 2011 - 2015	TH 2011	TH 2012	KH 2013	ƯTH 2013	KH 2014
1	2	3	4	5	6	7	8
1. Diện tích	ha						
Trong đó:							
- Đất nông nghiệp	ha						
- Đất lâm nghiệp	ha						
- Diện tích khu bảo tồn thiên nhiên	ha						
- Diện tích rừng tự nhiên	ha						
- Diện tích trồng lúa	ha						
2. Dân số	người						
Trong đó:							
- Trẻ em dưới 6 tuổi	người						
- Dân số trong độ tuổi đến trường từ 1 - 18 tuổi	người						
- Dân số sinh sống ở các loại đô thị:	người						
+ Loại đặc biệt	người						
+ Loại I	người						
+ Loại II	người						
+ Loại III	người						
+ Loại IV	người						
- Dân số nhập cư vãng lai	người						
3. Đơn vị hành chính cấp huyện	huyện						
Trong đó:							
- Số đô thị loại I (thuộc tỉnh)	đô thị						
- Số đô thị loại II	đô thị						
- Số đô thị loại III	đô thị						
- Số đô thị loại IV	đô thị						
- Số huyện đảo không có đơn vị hành chính xã	huyện						
- Số đơn vị hành chính mới được thành lập (chưa được bổ sung kinh phí)	đơn vị						
4. Đơn vị hành chính cấp xã	xã						
- Xã biên giới, hải đảo	xã						
- Xã biên giới giáp Lào, Campuchia	xã						
- Xã biên giới giáp Trung Quốc	xã						

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch giai đoạn 2011 - 2015	TH 2011	TH 2012	KH 2013	ƯTH 2013	KH 2014
1	2	3	4	5	6	7	8
5. Số đơn vị hành chính mang tính đặc thù	đơn vị						
Trong đó: - Cấp tỉnh	đơn vị						
- Cấp huyện	đơn vị						
6. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)	%						
Trong đó:							
- Ngành công nghiệp xây dựng	%						
- Ngành nông lâm thủy sản	%						
- Ngành dịch vụ	%						
7. Cơ cấu kinh tế							
- Giá trị sản xuất ngành công nghiệp xây dựng	tỷ đồng						
- Giá trị sản xuất ngành nông lâm thủy sản	tỷ đồng						
- Giá trị ngành dịch vụ	tỷ đồng						
8. Kim ngạch xuất nhập khẩu	triệu USD						
Trong đó:							
- Kim ngạch xuất khẩu	triệu USD						
- Kim ngạch nhập khẩu	triệu USD						
9. Giải quyết việc làm	người						
10. Số lượt khách du lịch	người						
11. Số người (theo chuẩn nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ áp dụng cho giai đoạn 2011 - 2015)	người						
- Tỷ lệ nghèo	%						
12. Tốc độ tăng dân số	%						
13. Số doanh nghiệp trên địa bàn	doanh nghiệp						
Trong đó:							
- Doanh nghiệp trung ương							
+ Số doanh nghiệp	doanh nghiệp						
+ Tổng số vốn kinh doanh	triệu đồng						
+ Số nộp ngân sách	triệu đồng						

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch giai đoạn 2011 - 2015	TH 2011	TH 2012	KH 2013	ƯTH 2013	KH 2014
1	2	3	4	5	6	7	8
- Doanh nghiệp địa phương							
+ Số doanh nghiệp	doanh nghiệp						
+ Tổng số vốn kinh doanh	triệu đồng						
+ Số nộp ngân sách	triệu đồng						
- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài							
+ Số dự án được cấp giấy phép	dự án						
Trong đó: số vốn đăng ký	USD						
+ Số doanh nghiệp đã hoạt động	doanh nghiệp						
Trong đó: số vốn đầu tư	USD						
+ Tổng số vốn đã đầu tư	triệu đồng						
+ Số nộp ngân sách	triệu đồng						
- Doanh nghiệp tư nhân							
+ Số doanh nghiệp đăng ký kinh doanh	doanh nghiệp						
+ Số doanh nghiệp thực tế quản lý thu thuế	doanh nghiệp						
+ Số nộp ngân sách	triệu đồng						
- Kinh tế tập cá thể							
+ Số hộ đăng ký sản xuất, kinh doanh	hộ						
+ Số hộ quản lý thu thuế môn bài	hộ						
+ Số hộ quản lý thu cố định	hộ						
+ Số nộp ngân sách	triệu đồng						
14. Giáo dục, đào tạo							
- Số giáo viên	người						
- Quỹ lương	triệu đồng						
- Số học sinh	học sinh						
Trong đó:							
+ Học sinh học trường dân tộc nội trú	học sinh						
+ Học sinh dân tộc bán trú theo Quyết định số 85/2010/QĐ-TTg	học sinh						
+ Học sinh trung học phổ thông ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội ĐBKK hưởng chính sách theo Quyết định số 12/2013/QĐ-TTg	học sinh						

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch giai đoạn 2011 - 2015	TH 2011	TH 2012	KH 2013	ƯTH 2013	KH 2014
1	2	3	4	5	6	7	8
- Số trường đại học công lập do địa phương quản lý	trường						
Trong đó: dự toán chi năm 2013 Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã giao cho trường đại học	triệu đồng						
15. Y tế:							
- Cơ sở khám chữa bệnh	cơ sở						
Trong đó:							
+ Số bệnh viện do địa phương quản lý hoạt động mang tính chất khu vực	bệnh viện						
Trong đó: dự toán năm 2013 Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao cho bệnh viện	triệu đồng						
- Số giường bệnh	giường						
Trong đó:							
+ Giường bệnh cấp tỉnh	giường						
+ Giường bệnh cấp huyện	giường						
+ Giường phòng khám khu vực	giường						
+ Giường y tế xã phường	giường						
16. Chỉ tiêu đảm bảo xã hội							
- Trại xã hội	cơ sở						
- Số trại viên trại xã hội	người						
- Đối tượng cứu trợ xã hội không tập trung	người						
- Số gia đình bệnh binh	gia đình						
- Số gia đình thương binh	gia đình						
- Số gia đình liệt sỹ	gia đình						
- Số gia đình có công với nước	gia đình						
- Số gia đình có Bà mẹ Việt Nam anh hùng	gia đình						
- Số gia đình có anh hùng lực lượng vũ trang	gia đình						
- Số gia đình có người hoạt động kháng chiến	gia đình						
- Số gia đình có người có công giúp đỡ cách mạng	gia đình						
- Người bị nhiễm chất độc màu da cam	người						

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch giai đoạn 2011 - 2015	TH 2011	TH 2012	KH 2013	ƯTH 2013	KH 2014
1	2	3	4	5	6	7	8
+ Người mắc bệnh hiểm nghèo không còn khả năng lao động	người						
+ Người mắc bệnh bị suy giảm khả năng lao động	người						
+ Con đẻ còn sống bị dị dạng, dị tật nặng, không có khả năng lao động không tự lực được trong sinh hoạt	người						
+ Con đẻ còn sống bị dị dạng, dị tật nặng, không có khả năng lao động nhưng còn tự lực được trong sinh hoạt	người						
- Số hộ gia đình dân tộc thiểu số	hộ						
Trong đó:							
+ Số hộ gia đình được hỗ trợ đất sản xuất	hộ						
+ Số hộ gia đình được hỗ trợ đất ở, nhà ở	hộ						
+ Số hộ gia đình được hỗ trợ nước sinh hoạt	hộ						
- Số hộ gia đình dân tộc thiểu số nghèo	hộ						
- Số hộ gia đình chính sách	hộ						
Trong đó: số hộ gia đình cần phải hỗ trợ về nhà ở	hộ						
- Số cán bộ xã nghỉ việc theo Quyết định số 130/CP và Quyết định số 111/HĐBT	cán bộ						
- Tổng số đối tượng bảo trợ xã hội được hưởng trợ cấp theo Nghị định số 67,13, Luật Người cao tuổi, Luật Người khuyết tật	người						
Trong đó:							
- Số đối tượng bảo trợ xã hội từ đủ 80 tuổi đến dưới 85 tuổi	người						
- Số đối tượng bảo trợ xã hội từ 85 tuổi trở lên	người						
- Số người khuyết tật	người						

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch giai đoạn 2011 - 2015	TH 2011	TH 2012	KH 2013	ƯTH 2013	KH 2014
1	2	3	4	5	6	7	8
17. Văn hóa thông tin							
- Số đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp	đoàn						
- Số đoàn nghệ thuật truyền thống	đoàn						
- Số đội thông tin lưu động	đội						
- Di sản văn hóa thế giới	di sản						
- Di sản văn hóa cấp quốc gia	di sản						
18. Phát thanh, truyền hình							
Số huyện ở miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu có trạm phát lại phát thanh truyền hình	huyện						
19. Thể dục thể thao							
- Số vận động viên đạt thành tích cao cấp quốc gia	người						
- Số vận động viên khuyết tật	người						
20. Thực hiện chương trình Kiên cố hóa KM, GTNT, CSHT nuôi trồng thủy sản, CSHT làng nghề ở nông thôn							
- Số vốn đã vay từ Ngân hàng Phát triển	triệu đồng						
- Số vốn ngân sách địa phương	triệu đồng						
- Vốn huy động trong dân cư	triệu đồng						
- Số km đường GTNT	km						
- Số km kiên cố hóa kênh mương	km						
- Số CSHT nuôi trồng thủy sản	công trình						
- Số CSHT làng nghề nông thôn	công trình						
- Số Trạm Bơm điện phục vụ sản xuất nông nghiệp	trạm						
21. Thực hiện chương trình kiên cố hóa trường, lớp học							
- Số phòng học được kiên cố hóa	phòng						
- Số kinh phí thực hiện	triệu đồng						
22. Thực hiện đầu tư cơ sở y tế từ nguồn trái phiếu Chính phủ							
- Số bệnh viện	bệnh viện						
- Số kinh phí thực hiện	triệu đồng						

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch giai đoạn 2011 - 2015	TH 2011	TH 2012	KH 2013	ƯTH 2013	KH 2014
1	2	3	4	5	6	7	8
- Số trạm y tế	trạm						
- Số kinh phí thực hiện	triệu đồng						
23. Thực hiện pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi							
- Số thu thủy lợi phí của các Công ty thủy nông	triệu đồng						
- Số thu thủy lợi phí của Hợp Tác xã	triệu đồng						
24. Chương trình giảm nghèo theo Nghị quyết số 30a							
- Số huyện nghèo	huyện						
- Diện tích (các huyện nghèo)	ha						
- Dân số (các huyện nghèo)	người						
- Số xã (các huyện nghèo)	xã						
Trong đó: số xã ĐBKK thuộc Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	xã						
- Tổng số thôn, bản (các huyện nghèo)	thôn, bản						
Trong đó:							
+ Số thôn, bản ĐBKK ở xã khu vực II thuộc Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	thôn, bản						
+ Số thôn, bản biên giới	thôn, bản						

……, ngày… tháng... năm 2013

TM. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố…

Chủ tịch

Bộ, cơ quan Trung ương ..... **Biểu số: 2**

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2013 VÀ DỰ TOÁN NĂM 2014

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán 2013	Ước thực hiện 2013	Dự toán 2014
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**			
1	**Số thu phí, lệ phí**			
	- Học phí			
	- Viện phí			
	- Phí, lệ phí khác			
2	**Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại**			
	- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Chi sự nghiệp y tế			
	- Phí, lệ phí khác			
3	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**			
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**			
I	**Chi đầu tư phát triển**			
	Trong đó:			
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Chi khoa học, công nghệ			
1	Chi đầu tư XDCB			
2	Chi đầu tư và hỗ trợ các doanh nghiệp theo chế độ quy định			
3	Chi dự trữ nhà nước			
4	Chi đầu tư phát triển khác			
II	**Chi thường xuyên**			
1	Chi quốc phòng, an ninh, đặc biệt			
2	Chi SN giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
3	Chi sự nghiệp y tế			
4	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ			

STT	Chỉ tiêu	Dự toán 2013	Ước thực hiện 2013	Dự toán 2014
5	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
6	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình			
7	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
8	Chi sự nghiệp kinh tế			
9	Chi hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường			
10	Chi quản lý hành chính			
11	Chi trợ giá các mặt hàng chính sách			
12	Chi khác			
III	**Chi chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án lớn khác**			

Tỉnh, thành phố: …….. **Biểu số: 3**

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2013 VÀ DỰ TOÁN NĂM 2014

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	TH 2011	TH 2012	DT 2013	ƯTH 2013	DT 2014	So sánh		
							2012/ 2011	2013/ 2012	2014/ 2013
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I	**Thu NSNN trên địa bàn**								
1	Thu nội địa								
	Trong đó:								
1.1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước								
1.2	Thu từ doanh nghiệp có vốn ĐTNN								
1.3	Thu từ khu vực kinh tế NQD								
1.4	Thu tiền sử dụng đất								
2	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu								
	Trong đó:								
2.1	Thuế XK, thuế NK và TTĐB hàng NK								
2.2	Thuế GTGT hàng nhập khẩu								
3	Thu huy động theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN								
II	**Chi ngân sách địa phương quản lý (1)**								
	Trong đó:								
1	Chi đầu tư phát triển								
	Trong đó:								
1.1	Lĩnh vực giáo dục đào tạo và dạy nghề								
1.2	Lĩnh vực khoa học công nghệ								

Số TT	Chỉ tiêu	TH 2011	TH 2012	DT 2013	ƯTH 2013	DT 2014	So sánh		
							2012/ 2011	2013/ 2012	2014/ 2013
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
2	Chi thường xuyên								
	Trong đó:								
2.1	Lĩnh vực giáo dục đào tạo và dạy nghề								
2.2	Lĩnh vực khoa học công nghệ								
2.3	Lĩnh vực hoạt động môi trường								
3	Chi trả nợ nguồn huy động theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN								
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính								
III	**Số bổ sung từ ngân sách trung ương**								
1	Số bổ sung cân đối								
2	Số bổ sung có mục tiêu (2)								
	Trong đó:								
	- Chương trình mục tiêu quốc gia								
	- Chương trình, dự án quan trọng khác								

Ghi chú:

(1) Được xác định trên cơ sở nguồn chi cân đối ngân sách địa phương và số bổ sung mục tiêu (nếu có)

(2) Số bổ sung để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án quan trọng và các chế độ, chính sách mới.

....., ngày... tháng... năm 2013

TM. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố…

Chủ tịch

Tỉnh, thành phố…. **Biểu số: 04**

BIỂU ĐÁNH GIÁ ẢNH HƯỞNG THU NSNN DO THỰC HIỆN MIỄN, GIẢM, GIA HẠN THUẾ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 02/NQ-CP NGÀY 07/01/2013

STT	Nội dung	Số thuế và tiền sử dụng đất được gia hạn										Số thuế được giảm, hoàn													
		Tổng số	Thuế TNDN phải nộp của các quý I, II, III/2013 được gia hạn			Thuế GTGT phải nộp của tháng 1, tháng 2, tháng 3 năm 2013 được gia hạn			Tiền sử dụng đất phải nộp trong năm 2013 được gia hạn			Tổng số	Giảm tiền thuê đất năm 2013			Giảm tiền thuê đất năm 2014	Thuế TNDN giảm do				Thuế GTGT giảm khi thực hiện giảm thuế GTGT đầu ra đối với hoạt động đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội và hoạt động đầu tư - kinh doanh nhà ở theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung Luật thuế GTGT		Lệ phí trước bạ tăng, giảm (+,-) trong năm 2013		Thuế BVMT được hoàn lại
			Quý I	Quý II	Quý III	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tổng số được gia hạn	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Giảm thuế suất thuế TNDN đối với doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ		Giảm thuế suất thuế TNDN đối với thu nhập từ đầu tư, KD nhà ở XH		Năm 2013	Năm 2014	Áp dụng mức thu chung là 10%, các địa phương được điều chỉnh tăng không quá 50% mức quy định chung	Áp dụng mức thu chung 2% đối với ô tô đăng ký từ lần thứ 2 trở đi	
										Số phát sinh trong năm 2013	Số phải thu trong năm 2014 và các năm tiếp theo			Số phát sinh năm 2013	Các đối tượng thuộc điểm (c) khoản 1, Điều 6			Quý 3/2013	Quý 4/2013	Quý 3/2013	Quý 4/2013					
A	B	1=1+...+10	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=12+...+24	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	TỔNG SỐ																								
1	Khu vực DNNN trung ương																								
	- Thuế GTGT																								
	- Thuế TNDN																								
2	Khu vực DNNN địa phương																								
	- Thuế GTGT																								
	- Thuế TNDN																								
3	Khu vực có vốn ĐTNN																								
	- Thuế GTGT																								
	- Thuế TNDN																								
4	Khu vực NQD																								
	- Thuế GTGT																								
	- Thuế TNDN																								
5	Lệ phí trước bạ																								
6	Thuế BVMT																								
7	Thu tiền thuê đất																								
8	Thu tiền sử dụng đất																								

Bộ, cơ quan trung ương …… **Biểu số: 5**

ĐÁNH GIÁ HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC NĂM 2013 VÀ DỰ TOÁN NĂM 2014

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán 2013	Ước thực hiện 2013	Dự toán 2014
	TỔNG SỐ			
I	**Chi NSNN**			
1	Chi đầu tư XDCB			
a	*Ngân sách Trung ương*			
b	*Ngân sách địa phương*			
2	Chi thường xuyên			
a	*Ngân sách Trung ương*			
b	*Ngân sách địa phương*			
3	Chi chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án lớn khác			
II	**Chi từ nguồn trái phiếu Chính phủ**			
	Trong đó: Cho ngành giao thông			
	Cho lĩnh vực thủy lợi			
	Cho ngành giáo dục			
	Cho ngành y tế			
III	**Chi từ nguồn thu phí, lệ phí, đóng góp,...**			
IV	**Chi đầu tư của các cơ sở ngoài công lập**			
V	**Chi đầu tư khác**			

Tỉnh, thành phố: ……. **Biểu số: 6**

BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN BỔ, GIAO DỰ TOÁN VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ QUAN TRỌNG NĂM 2013 VÀ DỰ TOÁN NĂM 2014

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định của cấp có thẩm quyền	Thời gian khởi công hoàn thành	Số vốn được duyệt	Trong đó			Giá trị khối lượng đã thực hiện từ khởi công đến 30/6/2013	Số vốn đã bố trí đến 31/12/2013		Nhu cầu vốn 2013 - 2015	Dự kiến bố trí 2014				Ghi chú (tên văn bản, diễn giải…)
					NSTW	NSĐP	Nguồn vốn khác		Tổng số	Trong đó ngân sách trung ương hỗ trợ		Tổng số	Bố trí từ nguồn ngân sách địa phương	Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật	Đề nghị ngân sách trung ương hỗ trợ	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Dự án A															
2	Dự án B															
3	Công trình A															
4	Công trình B															
5	……															

……, ngày…. tháng…. năm 2013

TM. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố….

Chủ tịch

Tỉnh, thành phố:…… **Biểu số: 7**

TỔNG HỢP MỨC HUY ĐỘNG VỐN CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 2011 - 2013 VÀ KẾ HOẠCH 2014 - 2015

STT	Nội dung	Đơn vị	TH 2011	TH 2012	KH 2013	ƯTH 2013	KH 2014	KH 2015
A	B	1	2	3	4	5	6	7
I	**Kế hoạch vốn đầu tư XDCB trong nước của ngân sách cấp tỉnh**	**Triệu đồng**						
	Trong đó:	Triệu đồng						
1	Vốn đầu tư XDCB tập trung	Triệu đồng						
2	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Triệu đồng						
3	Vốn đầu tư từ nguồn bổ sung có mục tiêu (không kể vốn ngoài nước)	Triệu đồng						
4	Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Triệu đồng						
II	**Dư nợ vay đến ngày 31/12**	**Triệu đồng**						
	Trong đó:							
1	Tạm ứng Kho bạc Nhà nước	Triệu đồng						
	- Tạm ứng theo Khoản 3, Điều 8 Luật NSNN	Triệu đồng						
	- Tạm ứng đầu tư cơ sở hạ tầng tạo được nguồn thu hoàn trả vốn tạm ứng	Triệu đồng						
2	Vay Ngân hàng phát triển Việt Nam	Triệu đồng						
	- Vay vốn kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn	Triệu đồng						
	- Vay đầu tư cụm tuyến dân cư vùng lũ đồng bằng sông Cửu Long	Triệu đồng						
	- Tạm ứng đầu tư Dự án có khả năng thu hồi vốn trực tiếp hoàn trả vốn vay	Triệu đồng						
	- Vay khác	Triệu đồng						
3	Vay Ngân hàng thương mại	Triệu đồng						
	- Vay đầu tư theo Khoản 3, Điều 8 Luật NSNN	Triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị	TH 2011	TH 2012	KH 2013	ƯTH 2013	KH 2014	KH 2015
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	- Vay đầu tư Dự án có khả năng thu hồi vốn trực tiếp hoàn trả ngân hàng	Triệu đồng						
4	Phát hành trái phiếu chính quyền địa phương	Triệu đồng						
	- Vay đầu tư theo Khoản 3, Điều 8 Luật NSNN	Triệu đồng						
	- Vay đầu tư Dự án có khả năng thu hồi vốn trực tiếp hoàn trả vốn huy động	Triệu đồng						
5	Vay khác (nếu có ghi cụ thể)	Triệu đồng						
III	**Tỷ lệ huy động vốn trên kế hoạch vốn đầu tư XDCB**	**%**						
	Trong đó tỷ lệ huy động vốn theo K3 Đ8 Luật NSNN	%						

....., ngày..... tháng.... năm 2013

TM. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố…

Chủ tịch

Tỉnh, thành phố: …….. **Biểu số: 8**

TỔNG HỢP VỐN HUY ĐỘNG ĐẦU TƯ XÃ HỘI NĂM 2013 VÀ DỰ TOÁN 2014

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2011	TH 2012	DT 2013	ƯTH 2013	DT 2014	So sánh		
						2012/ 2011	2013 2012	2014/ 2013
A	1	2	3	4	5	6=2/1	7=4/2	8=5/4
Tổng vốn đầu tư xã hội								
Gồm:								
- Nguồn ngân sách nhà nước								
- Nguồn vốn tín dụng								
- Nguồn doanh nghiệp nhà nước								
- Nguồn đầu tư nước ngoài								
- Nguồn doanh nghiệp ngoài nhà nước								
- Nguồn vốn khác								

....., ngày..... tháng.... năm 2013

TM. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố…

Chủ tịch

Tỉnh, thành phố:…….. **Biểu số: 9**

TỔNG HỢP VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỔ SỐ KIẾN THIẾT NĂM 2013 VÀ NĂM 2014

Chỉ tiêu	Đơn vị	Dự toán năm 2013	Ước thực hiện năm 2013	Dự kiến năm 2014	So sánh 2014/2013
A	B	1	2	3	4=3/1
1. Tổng số thu	*Triệu đồng*				
2. Tổng số chi	*Triệu đồng*				
Trong đó:					
- Chi cho giáo dục	*Triệu đồng*				
+ Tỷ trọng chi cho giáo dục trong tổng số chi	*%*				
- Chi cho Y tế	*Triệu đồng*				
+ Tỷ trọng chi cho y tế trong tổng số chi	*%*				

……, ngày… tháng… năm 2013

TM. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ……

Chủ tịch

Tỉnh, thành phố:……. **Biểu số: 10**

BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN BỔ, THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2013 VÀ DỰ TOÁN NĂM 2014

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2013			Ước thực hiện năm 2013			Dự kiến năm 2014		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9
	TỔNG CỘNG									
I	**Chương trình mục tiêu quốc gia**									
1	Chương trình việc làm và dạy nghề									
	- Mục tiêu (dự án)									
	- Mục tiêu (dự án)									
2	Chương trình giảm nghèo bền vững									
3	Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường									
	- Mục tiêu (dự án)									
	- Mục tiêu (dự án)									
	.....									
4	Chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình									
	- Mục tiêu (dự án)									
	- Mục tiêu (dự án)									
	.....									
5	Chương trình vệ sinh an toàn thực phẩm									
	….									

…., ngày….. tháng …. năm 2013

TM. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố…..

Chủ tịch

Bộ, cơ quan Trung ương... **Biểu số: 11**

DỰ KIẾN NHU CẦU, NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2013 THEO MỨC LƯƠNG CƠ SỞ 1.150.000 ĐỒNG/THÁNG TỪ NGÀY 01/7/2013

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Biên chế thực có mặt tại thời điểm 01/7/2013	Nhu cầu kinh phí thực hiện mức lương cơ sở 1.150.000đ/ tháng từ ngày 01/7/2013	Nguồn để thực hiện cải cách tiền lương năm 2013 (bao gồm cả số chưa sử dụng năm 2012 chuyển sang năm 2013)			Số đề nghị bổ sung để thực hiện tiền lương tăng thêm (nếu có)	Nguồn để thực hiện tiền lương tăng thêm chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2014 (nếu có)		
				Tổng số	40% số thu để lại theo chế độ (riêng ngành y tế là 35%)	Nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương		Tổng số	40% số thu để lại theo chế độ (riêng ngành y tế là 35%) chưa sử dụng hết	Nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên chưa sử dụng hết
	TỔNG SỐ									
1	Chi quốc phòng									
2	Chi an ninh									
3	Chi đặc biệt									
4	Chi SN giáo dục - đào tạo và dạy nghề									
5	Chi sự nghiệp y tế									
6	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ									
7	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin									
8	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình									
9	Chi sự nghiệp thể dục thể thao									
10	Chi sự nghiệp kinh tế									
11	Chi hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường									
12	Chi quản lý hành chính									

Tỉnh, thành phố :……. **Biểu số: 12**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH BẢO HIỂM Y TẾ CHO NGƯỜI NGHÈO, TRẺ EM DƯỚI 6 TUỔI, NGƯỜI CẬN NGHÈO, HỌC SINH SINH VIÊN, NGƯỜI THUỘC HỘ LÂM, NGƯ, DIÊM NGHIỆP

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Dự kiến năm 2014
			Dự toán	Thực hiện	Dự toán	Thực hiện	Dự toán	Thực hiện	
A	B	1	3	4	5	6			7
1	Bảo hiểm y tế cho người nghèo								
	- Đối tượng	*người*							
	- Kinh phí	*trđ*							
2	Bảo hiểm tế cho trẻ em dưới 6 tuổi								
	- Đối tượng	*người*							
	- Kinh phí	*trđ*							
3	Bảo hiểm y tế cho người cận nghèo								
	- Đối tượng	*người*							
	- Kinh phí	*trđ*							
4	Bảo hiểm y tế cho học sinh, sinh viên								
	- Đối tượng	*người*							
	- Kinh phí	*trđ*							
5	Bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ lâm, ngư, diêm nghiệp								
	- Đối tượng	*người*							
	- Kinh phí	*trđ*							

… ngày… tháng... năm 2013

TM. Ủy ban nhân dân Tỉnh (TP)

Chủ tịch

Tỉnh, thành phố :……. **Biểu số: 13**

TỔNG HỢP QUỸ TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP NĂM 2013

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tỉnh, thành phố	Tổng nhu cầu	Q.phòng	A.Ninh	GD-ĐT	Y tế	KH-CN	VHTT	PTTH	TDTT	ĐBXH	SNKT	QLHC
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	**Quỹ tiền lương, phụ cấp 12 tháng theo tiền lương 1,05 tr đ (đã bao gồm các khoản đóng góp theo lương)**												
	Tr.đó: BHTN												
II	**Các loại phụ cấp, trợ cấp tăng thêm 12 tháng theo mức lương 0,83 tr.đ**												
1	- Phụ cấp thâm niên giáo viên												
2	- Phụ cấp ưu đãi nghề y tế												
3	- Phụ cấp công vụ (NĐ 57/2011/NĐ-CP)												
4	- Phụ cấp công vụ (NĐ 34/2012/NĐ-CP)												
5	- Phụ cấp công tác đảng, đ thể												
6	- Phụ cấp DQTV												
7	- Phụ cấp công an xã												
8	- Phụ cấp, trợ cấp theo NĐ 116												
	……												

… ngày… tháng... năm 2013

TM. Ủy ban nhân dân Tỉnh (TP)

Chủ tịch

Tỉnh, thành phố:……. **Biểu số: 14**

TỔNG HỢP NHU CẦU, NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG 1.150 THEO LĨNH VỰC

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tỉnh, thành phố	Tổng nhu cầu	Q.phòng	A.Ninh	GD-ĐT	Y tế	KH-CN	VHTT	PTTH	TDTT	ĐBXH	SNKT	QLHC
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	**Năm 2013 (8 tháng)**												
1	Tổng nhu cầu tiền lương tăng thêm năm 2013												
2	Tiết kiệm theo L vực												
3	HP, VP, sự nghiệp theo LV												
4	Nhu cầu trừ HP, VP, TK												
II	**Dự toán năm 2014 (12 tháng)**												
1	Tổng nhu cầu tiền lương tăng thêm năm 2014												
2	Tiết kiệm theo L vực												
3	HP, VP, sự nghiệp theo LV												
4	Nhu cầu trừ HP, VP, TK												

... ngày... tháng... năm 2013

TM. Ủy ban nhân dân Tỉnh (TP)

Chủ tịch